

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN F CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **39/2018/HS-ST**

Ngày: 29/5/2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN F, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Bình.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Lưu Ly.
Ông Phạm Văn Phổ.

- Thư ký phiên tòa: Ông Dương Phúc Trường - Thư ký Tòa án nhân dân Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Anh D - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 5 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 48/2018/TLST-HS ngày 26 tháng 4 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 61/2018/QĐXXST-HS ngày 16 tháng 5 năm 2018 đối với các bị cáo:

1. Trần Hoàng S; Sinh ngày: 25/10/1995; Tại: Tỉnh Long An; Thường trú: Ấp A, xã HT, huyện ĐH, tỉnh Long An; Nghề nghiệp: Không; Trình độ văn hóa: 9/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Trần Hoàng D và bà: Phạm Thị O; Có vợ: Là bà Phạm Thị Hồng B và con: Có 02 người con, lớn sinh năm 2015, nhỏ sinh năm 2016; Tiền án: Không; Tiền sự: Ngày 24/7/2014, bị Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh Quyết định xử phạt vi phạm hành chính 75.000.000 đồng về hành vi kinh doanh hàng cấm là thuốc lá điều nhập lậu (Quyết định số: 3622/QĐ-XPHC); Bị bắt, tạm giam ngày 05/12/2017.

Nhân thân: Ngày 31/8/2011, bị Tòa án nhân dân huyện HM, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 03 năm tù về tội « Cướp tài sản » (Bản án số: 148/2011/HSST). Chấp hành xong hình phạt tù ngày 31/5/2013 (Giấy chứng nhận chấp hành xong án phạt tù số: 530/GCN của Trại giam Thạnh Hòa).

(có mặt).

2. Nguyễn Hữu V (tên thường gọi là Q); Sinh ngày: 11/10/1991; Tại: Tỉnh Long An; Thường trú: Ấp BT, xã BKĐ, huyện ĐH, tỉnh Long An; Nghề nghiệp: Không; Trình độ văn hóa: 10/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Nguyễn Hữu N và bà: Lê Ánh H; Có vợ:

Là bà Lê Ngọc Phương T và con: Có 02 người con, lớn sinh năm 2013, nhỏ sinh năm 2015; Tiền án: Không; Tiền sự: Không; Bị bắt, tạm giam ngày 05/12/2017.

(có mặt)

- Bị hại:

Bà Nguyễn Thị Kim N; Sinh năm: 1990; Thường trú: Ấp PH, xã KT, huyện CM, tỉnh An Giang; Chỗ ở: 13/7 đường LTT, Phường D, quận PN, Thành phố Hồ Chí Minh.

(vắng mặt)

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

Ông Khúc Văn D; Sinh năm 1962; Thường trú: 62/45/39B (số cũ 78/1) đường XVNT, Phường Z, quận BT, Thành phố Hồ Chí Minh.

(có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 11 giờ ngày 05/12/2017, Nguyễn Hữu V điều khiển xe gắn máy biển số 51S2-2229 chở Trần Hoàng S từ đường TĐ, xã HT, huyện ĐH, tỉnh Long An lên Thành phố Hồ Chí Minh. Trên đường đi, S rủ V tìm tài sản cướp giật bán lấy tiền tiêu xài và V đồng ý. Đến 14 giờ 20 phút cùng ngày, khi chạy đến trước nhà số 86 đường KDV, Phường M, Quận F, S phát hiện ông Hoàng Hữu Đ đang điều khiển xe gắn máy chở bà Nguyễn Thị Kim N ngồi phía sau, lưu thông phía trước cùng chiều và trên cổ bà N có đeo sợi dây chuyền bằng kim loại màu vàng nên chỉ cho V thấy. V liền cho xe chạy lên áp sát vào bên trái xe bà N để S ngồi sau dùng tay giật đứt sợi dây chuyền của bà N rồi vọt xe tẩu thoát. Ngay lúc này, lực lượng cảnh sát hình sự Công an thành phố Hồ Chí Minh trên đường tuần tra phát hiện hành vi của V và S nên đuổi theo đến trước nhà số 287 đường KDV, phường AL, quận BT thì bắt giữ được cả hai giao Công an Phường 1M, Quận F giải quyết.

Vật chứng thu giữ: 01 sợi dây chuyền kim loại màu vàng, 01 chiếc điện thoại di động hiệu Philips màu đen, 01 chiếc điện thoại di động hiệu Nokia màu xanh, 01 chiếc điện thoại di động hiệu Oppo F3 Plus và 01 xe gắn máy biển số 51S2-2229.

Tại Cơ quan điều tra Công an Quận F: Trần Hoàng S, Nguyễn Hữu V đều khai nhận đã thực hiện hành vi như nêu trên. Ngoài ra, Trần Hoàng S, Nguyễn Hữu V còn khai trước đó khoảng 12 giờ 30 phút ngày 05/12/2017, cả hai đã đã thực hiện hành vi giật 01 chiếc điện thoại di động hiệu Oppo F3 Plus của ông Lê Nhựt Thượng tại trước nhà số 253 đường NTP, Phường E, Quận J. Cơ quan điều tra Công an Quận F đã thông báo đến Cơ quan điều tra Công an Quận J để giải quyết theo thẩm quyền.

Tại Văn bản số: 2132/TCKH ngày 11 tháng 12 năm 2017, Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự Quận F thống nhất giá như sau: 01 sợi dây

chuyên bằng kim loại màu vàng kiểu Oval May, loại 61%, trọng lượng 1,73 chỉ, có giá là 4.256.000 đồng.

Tại Cáo trạng số: 47/CT-VKS-Q6 ngày 24 tháng 4 năm 2018, Viện kiểm sát nhân dân Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố các bị cáo Trần Hoàng S, Nguyễn Hữu V về tội « Cướp giật tài sản » theo điểm d khoản 2 Điều 171 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, Các bị cáo Trần Hoàng S, Nguyễn Hữu V đều khai nhận chính các bị cáo vào chiều ngày 05/12/2017, đã sử dụng xe gắn máy loại xe Wave, biển số 51S2-2229 thực hiện hành vi giật của bà Nguyễn Thị Kim N 01 sợi dây chuyên bằng kim loại màu vàng tại trước nhà số 86 đường KDV, Phường M, Quận F và bị bắt quả tang như bản cáo trạng nêu.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án Khúc Văn D khai chiếc xe gắn máy nhãn hiệu Xiongshi, sơn màu xanh, biển số 51S2-2229, số khung 22006383-XS110, số máy 310132755-1P52FMH là xe của ông, nhưng ông đã bán lại cho người khác (do thời gian đã lâu, nên ông không nhớ là bán cho ai) và ông xác nhận không còn quyền lợi gì đối với chiếc xe này.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận F giữ nguyên quyết định truy tố các bị cáo Trần Hoàng S, Nguyễn Hữu V và sau khi phân tích tính chất, mức độ hành vi phạm tội, nhân thân của các bị cáo cùng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với từng bị cáo đã đề nghị Hội đồng xét xử:

Phạt bị cáo Trần Hoàng S từ 04 năm đến 05 năm tù về tội « Cướp giật tài sản » theo điểm d khoản 2 Điều 171; điểm h, điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Phạt bị cáo Nguyễn Hữu V từ 03 năm đến 04 năm tù về tội « Cướp giật tài sản » theo điểm d khoản 2 Điều 171; điểm h, điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Không phạt tiền đối với các bị cáo, do các bị cáo không có khả năng thi hành.

Về bồi thường thiệt hại: Bị hại đã nhận lại tài sản và không yêu cầu bồi thường, nên không đề nghị giải quyết.

Về xử lý vật chứng: Tịch thu sung vào N sách Nhà nước 01 chiếc xe gắn máy biển số 51S2-2229, không xác định được số khung, số máy nguyên thủy.

Trả lại cho bị cáo Trần Hoàng S 01 chiếc điện thoại di động hiệu Nokia, vỏ màu xanh, số Imei: 547904/1; trả lại cho bị cáo Nguyễn Hữu V 01 chiếc điện thoại di động hiệu Philips, vỏ màu đen, số Imei: 245809.

Lời nói sau cùng, các bị cáo Trần Hoàng S, Nguyễn Hữu V nhận thức được hành vi của các bị cáo là sai, là vi phạm pháp luật và đều xin Hội đồng xét xử xử phạt các bị cáo mức án nhẹ nhất để các bị cáo sớm trở về với gia đình, có cơ hội làm lại cuộc đời.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi và quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an Quận F, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Quận F, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo; bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Đối chiếu lời khai của các bị cáo Trần Hoàng S, Nguyễn Hữu V tại phiên tòa là phù hợp với nhau và phù hợp với Biên bản bắt người phạm tội quả tang, lời khai của bị hại Nguyễn Thị Kim N, của người làm chứng tại Cơ quan điều tra cùng những tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ, nên Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận các bị cáo Trần Hoàng S, Nguyễn Hữu V đã dùng xe mô tô làm phương tiện để cướp giật của bà Nguyễn Thị Kim N 01 sợi dây chuyền bằng kim loại màu vàng (kiểu Oval May, loại 61%, trọng lượng 1,73 chỉ) trị giá 4.256.000 đồng, là phạm tội « Cướp giật tài sản » thuộc trường hợp: « Dùng thủ đoạn nguy hiểm » theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 171 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017, đúng như Viện kiểm sát đã truy tố.

Hành vi của các bị cáo Trần Hoàng S, Nguyễn Hữu V là rất táo bạo và liều lĩnh, không những đã trực tiếp xâm phạm đến tài sản của người khác, được pháp luật bảo vệ và gây ảnh hưởng xấu đến trật tự, trị an chung mà còn có thể gây hậu quả khó lường cho tính mạng, sức khỏe của bị hại và của những người tham gia lưu thông nơi bị cáo thực hiện hành vi phạm tội.

Các bị cáo Trần Hoàng S, Nguyễn Hữu V đều có đủ khả năng nhận thức được hành vi cũng như hậu quả do hành vi của mình gây ra, nhưng do có lối sống buông thả, tham lam, lười lao động, chỉ vì muốn có tiền để tiêu xài mà các bị cáo đã bất chấp pháp luật, cố tình thực hiện hành vi phạm tội nêu trên.

Trong vụ án, bị cáo Trần Hoàng S là người chủ động rủ rê và trực tiếp trực tiếp chiếm đoạt tài sản. Còn bị cáo Nguyễn Hữu V là người giúp sức tích cực cho bị cáo S thực hiện hành vi phạm tội. Tuy nhiên, giữa các bị cáo không có sự câu kết chặt chẽ, nên hành vi phạm tội của các bị cáo chỉ là đồng phạm giản đơn.

[3] Bản thân bị cáo Trần Hoàng S ngày 24/7/2014, bị Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh Quyết định xử phạt vi phạm hành chính 75.000.000 đồng về hành vi kinh doanh hàng cấm là thuốc lá điều nhập lậu (bị cáo chưa chấp hành mặc dù đã có quyết định cưỡng chế). Ngoài ra, bị cáo còn có nhân thân xấu, đó là ngày 31/8/2011, bị Tòa án nhân dân huyện HM xử phạt 03 năm tù về tội « Cướp tài sản ». Lẽ ra bị cáo phải biết rèn luyện, tu dưỡng để trở thành người có ích cho gia đình và cho xã hội, nhưng ngược lại, vẫn tiếp tục sống buông thả để ngày càng lún sâu vào con đường phạm tội.

[4] Xét tính chất, mức độ, hành vi phạm tội của các bị cáo Trần Hoàng S, Nguyễn Hữu V là rất nghiêm trọng, bởi cướp giật tài sản từ lâu đã trở thành vấn

nạn nhưc nhối, trở thành nỗi ám ảnh của không ít người dân, gây bức xúc trong dư luận, do đó Hội đồng xét xử thấy cần phạt các bị cáo những mức án thật nghiêm khắc tương xứng mới có tác dụng giáo dục đối với các bị cáo và để phòng ngừa chung. Tuy nhiên, xét các bị cáo phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn (tài sản đã được thu hồi trả bị hại); tại Cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa đều có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Riêng bị cáo Nguyễn Hữu V phạm tội lần đầu, chưa có tiền án, tiền sự, nên Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo khi lượng hình tùy mức độ, vai trò của từng bị cáo theo quy định tại các điểm h, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[5] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 171 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017, thì các bị cáo Trần Hoàng S, Nguyễn Hữu V còn có thể bị phạt tiền từ 10 triệu đồng đến 100 triệu đồng. Xét các bị cáo không có khả năng thi hành, nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[6] Việc bồi thường thiệt hại: Bị hại Nguyễn Thị Kim N đã nhận lại tài sản là sợi dây chuyền bằng kim loại màu vàng kiểu Oval May, trọng lượng 1,73 chỉ (theo Biên bản về việc trả lại tài sản ngày 12/12/2017 - BL125) và không có ý kiến hay yêu cầu gì về phần bồi thường, do đó Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[7] Việc xử lý vật chứng: Chiếc xe gắn máy biển số 51S2-2229 mà các bị cáo Trần Hoàng S, Nguyễn Hữu V sử dụng làm phương tiện phạm tội, theo Phiếu trả lời xác minh ngày 15/12/2017 của Công an Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh (BL132) thì chiếc xe này có số khung 22006383-XS110, số máy 310132755-1P52FMH (loại xe hai bánh, nhãn hiệu Xiongshi, sơn màu xanh, dung tích 108) đứng tên chủ xe là ông Khúc Văn D, Sinh năm 1962; Trú tại: 62/45/39B (số cũ 78/1) đường XVNT, Phường Z, quận BT, Thành phố Hồ Chí Minh, nhưng tại phiên tòa, ông D xác nhận đã bán chiếc xe lại cho người khác và ông không còn quyền lợi gì đối với chiếc xe biển số 51S2-2229 này. Còn bị cáo Nguyễn Hữu V khai chiếc xe này là do bị cáo tự mua phụ tùng về lắp ráp, xe không có giấy tờ. Và theo Kết luận giám định số: 1334/KLGD-X(Đ3) ngày 23/01/2018 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an Thành phố Hồ Chí Minh thì chiếc xe gắn máy gắn máy biển số 51S2-2229 không xác định được số khung, số máy nguyên thủy. Như vậy, đã có đủ cơ sở xác định chiếc xe gắn máy nói trên thuộc trường hợp không xác định được chủ sở hữu cũng như người quản lý hợp pháp, là xe cầm lưu hành (số khung, số máy bị bầm phá số), nên Hội đồng xét xử tịch thu sung vào N sách Nhà nước theo quy định tại điểm a, điểm c khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 và điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

Đối với chiếc điện thoại di động hiệu Nokia, vỏ màu xanh, số Imei: 547904/1 thu giữ của bị cáo Trần Hoàng S và chiếc điện thoại di động hiệu Philips, vỏ màu đen, số Imei: 245809 thu giữ của bị cáo Nguyễn Hữu V. Tại

phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát đề nghị trả lại cho các bị cáo vì không đủ chứng cứ xác định do các bị cáo phạm tội mà có hoặc các bị cáo sẽ dùng vào việc phạm tội. Xét đề nghị của Viện kiểm sát là có cơ sở, nên Hội đồng xét xử chấp nhận theo quy định tại khoản 3 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

(theo Phiếu nhập kho vật chứng số: 13/PNK ngày 17/01/2018 của Công an Quận F - BL136).

Đối với chiếc điện thoại di động hiệu Oppo F3 Plus mà các bị cáo Trần Hoàng S, Nguyễn Hữu V khai trước đó khoảng 12 giờ 30 phút ngày 05/12/2017, các bị cáo đã thực hiện hành vi chiếm đoạt của ông Lê Nhựt T tại trước nhà số 253 đường Nguyễn Tri P, Phường E, Quận J. Do hành vi của các bị cáo thực hiện trên địa bàn Quận J, nên Cơ quan điều tra Công an Quận F đã thông báo đến Cơ quan điều tra Công an Quận J, đồng thời lập thủ tục chuyển hồ sơ vụ án cùng chiếc điện thoại đến Cơ quan điều tra Công an Quận J để giải quyết theo thẩm quyền, do đó Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[8] Các bị cáo Trần Hoàng S, Nguyễn Hữu V phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 135 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Tuyên bố các bị cáo **Trần Hoàng S, Nguyễn Hữu V (Q)** phạm tội: « Cướp giật tài sản ».

- Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 171; điểm h, điểm s khoản 1 Điều 51 và Điều 50 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

- Xử phạt bị cáo **Trần Hoàng S** 04 (bốn) năm tù.

Thời hạn tù tính từ ngày 05/12/2017.

- Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 171; điểm h, điểm s khoản 1 Điều 51 và Điều 50 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

- Xử phạt bị cáo **Nguyễn Hữu V (Q)** 03 (ba) năm tù.

Thời hạn tù tính từ ngày 05/12/2017.

- Căn cứ điểm a, điểm c khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 và điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

Tịch thu sung vào N sách Nhà nước 01 (một) chiếc xe gắn máy biển số 51S2-2229, không xác định được số khung, số máy nguyên thủy.

- Căn cứ khoản 3 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

Trả lại cho bị cáo Trần Hoàng S 01 (một) chiếc điện thoại di động hiệu Nokia, vỏ màu xanh, số Imei: 547904/1.

Trả lại cho bị cáo Nguyễn Hữu V 01 (một) chiếc điện thoại di động hiệu Philips, vỏ màu đen, số Imei: 245809.

- Căn cứ Điều 135 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Mỗi bị cáo phải chịu 200.000 (hai trăm ngàn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người phải thi hành án dân sự có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

- Các bị cáo Trần Hoàng S, Nguyễn Hữu V; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án Khúc Văn D có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đối với bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày được tổng đạt hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- VKSND Quận F;
- Công an Quận F;
- TAND Tp. Hồ Chí Minh;
- Công an Tp. Hồ Chí Minh;
- Chi cục THADS Quận F;
- Sở Tư pháp Tp. Hồ Chí Minh;
- Các bị cáo;
- Bị hại;
- Người có QLNVLQ đến vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Văn Bình